

Bản án số: 49/2017/DS-ST

Ngày: 13/9/2017.

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm.
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 124/2017/TLST-DS, ngày 21/7/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST - DS ngày 01/9/2017. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bảo N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Tấn L, sinh năm 1978 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979.

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị S ủy quyền cho anh L.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N trình bày: từ khoảng tháng 10 năm 2016 chị N có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gia cầm với anh L, cụ thể là thức ăn chăn nuôi vịt, hợp đồng khi anh L ra chuồng thì phải trả tiền thức ăn chăn nuôi cho chị. Đến tháng 3 năm 2017 thì chị ngừng bán thức ăn chăn nuôi gia cầm cho anh L do

anh L chưa hoàn trả đủ số nợ thức ăn chăn nuôi gia cầm, đến ngày 12/5/2017 giữa chị và anh L đối chiếu nợ thì anh L còn nợ chị số tiền là 169.935.000 đồng, anh L có ký tên xác nhận nợ và cam kết mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng từ thời gian đó cho đến sau khi chị khởi kiện tại Tòa án thì anh L chỉ trả được số tiền là 50.000.000 đồng nên còn nợ lại là 119.935.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh L và chị S (vợ anh L) phải liên đới hoàn trả tiền thức ăn chăn nuôi gia cầm còn nợ là 119.935.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn Tấn L trình bày: khoảng tháng 11 năm 2016 anh L có mua thức ăn chăn nuôi gia cầm của chị N thông qua tiếp thị là anh Lê Quốc B để chăn nuôi vịt do anh hùn hạp chăn nuôi với người khác. Trong thời gian chăn nuôi vịt bị thua lỗ do vịt rớt giá chỉ còn 27.000 đồng/kg thì chị N ngừng cung cấp thức ăn chăn nuôi cho anh vào khoảng tháng 01 năm 2017 (âl). Đến ngày 12/5/2017 chị N lập biên bản đối chiếu công nợ thì anh thừa nhận còn nợ số tiền là 169.935.000 đồng, anh có ký tên xác nhận nợ và cam kết mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; tuy nhiên do đọc nội dung biên bản không kỹ nên anh mới ký tên cam kết mỗi tháng trả 50.000.000 đồng chứ thực tế anh không có khả năng trả nợ mỗi tháng 50.000.000 đồng cho chị N. Do đó, từ ngày 12/5/2017 cho đến nay anh có trả được số tiền là 50.000.000 đồng cho chị N nên còn nợ lại là 119.935.000 đồng. Nay anh đồng ý trả cho chị N tiền thức ăn chăn nuôi gia cầm còn nợ là 119.935.000 đồng nhưng xin được trả dần như sau: 06 tháng trả 20.000.000 đồng hoặc 01 năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do làm ăn thua lỗ chưa có khả năng hoàn trả nợ. Anh L và vợ là chị S có đăng ký kết hôn, nay vợ chồng anh cũng đồng ý liên đới hoàn trả nợ cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh L thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn chị N là 119.935.000 đồng không có tranh chấp nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự việc có thật. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ, chị N yêu cầu trả một lần, còn anh L xin trả dần 06 tháng trả 20.000.000 đồng hoặc 01 năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy đề nghị của anh L không được chị N chấp nhận, bản thân anh L đã tham gia giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia cầm với chị N nhưng anh L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho chị N là vi phạm nghĩa vụ của bên mua, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị N nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N buộc anh L phải hoàn trả cho chị N số tiền 119.935.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S là vợ của anh L mặc dù không có trực tiếp tham gia giao kết hợp đồng mua bán với chị N nhưng tại phiên tòa anh L được chị S ủy quyền cũng thừa nhận và đồng ý là vợ chồng anh sẽ liên đới trả cho chị N số tiền là 119.935.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc chị S phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh L trả nợ cho chị N là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: căn cứ vào quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc anh L và chị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N.

Buộc anh Nguyễn Văn Tấn L và chị Nguyễn Thị S phải liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền là 119.935.000 (một trăm mười chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Nguyễn Văn Tấn L và chị Nguyễn Thị S phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $119.935.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.997.000 \text{ đồng}$.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.249.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt